

Luật số:...../2026/QH16

Dự thảo 2
Ngày 21.5.2026

LUẬT
PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, biện pháp, chính sách, nguồn lực, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vũ khí hủy diệt hàng loạt* là vũ khí có khả năng gây thiệt hại trên diện rộng đối với con người, tài sản, môi trường, bao gồm vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí phóng xạ và loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

2. *Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi cố ý thực hiện, tham gia, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, mua, bán, tàng trữ, vận chuyển, chuyển giao, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. *Tài trợ cho phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là việc cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý hoặc sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, trực tiếp hoặc gián tiếp, nhằm thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. *Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát* là hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có khả năng được sử dụng để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, vận chuyển, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm cả hàng hóa lưỡng dụng.

5. *Kiểm soát ngoài danh mục* là biện pháp kiểm soát áp dụng đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ cho thấy có thể được sử dụng, toàn bộ hoặc một phần, cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

6. *Người sử dụng cuối cùng* là tổ chức, cá nhân tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng cuối cùng hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát.

7. *Chuyển giao công nghệ phi vật thể* là việc chuyển giao dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bí quyết công nghệ, bản vẽ, quy trình, thông tin chuyên môn hoặc tri thức kỹ thuật thông qua phương tiện điện tử, mạng viễn thông, nền tảng số hoặc hình thức phi vật chất khác.

8. *Đối tượng bị chỉ định* là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành hoặc danh sách do Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Việt Nam xác lập có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

9. *Trùng phạt tài chính mục tiêu* là biện pháp áp dụng đối với đối tượng bị chỉ định nhằm phong tỏa ngay tiền, tài sản, nguồn lực tài chính thuộc sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp, gián tiếp của đối tượng đó; đồng thời cấm cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế cho đối tượng đó hoặc vì lợi ích của đối tượng đó.

10. *Hệ thống tuân thủ nội bộ* là hệ thống quy định, quy trình, biện pháp kiểm soát do tổ chức, cá nhân thiết lập, thực hiện nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm quy định về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

11. *Kiểm soát đặc thù* là việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này đối với hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trên cơ sở đánh giá rủi ro, nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

12. *Kiểm soát tài trợ phổ biến* là việc nhận diện, đánh giá, giám sát, phát hiện, báo cáo, ngăn chặn, tạm dừng giao dịch, phong tỏa tài sản hoặc áp dụng biện

pháp cần thiết khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế có nguy cơ được sử dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

13. *Bên thứ ba ngay tình* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ bị áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, phong tỏa, hạn chế giao dịch theo quy định của Luật này nhưng không biết hoặc không thể biết việc tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đó có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Lấy phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, cảnh báo sớm, ngăn chặn, xử lý kịp thời nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện quản lý, kiểm soát trên cơ sở đánh giá rủi ro.

3. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh hợp pháp của tổ chức, cá nhân; biện pháp có nội dung hạn chế quyền chỉ được áp dụng khi có căn cứ do Luật này quy định, bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

4. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt không thay thế chức năng quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành; không đặt ra cơ chế quản lý, cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát trùng lặp.

5. Bảo đảm phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng mục đích; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch đối với đối tượng bị chỉ định phải được thực hiện ngay, không chậm trễ, đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng phạm vi; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình và người có quyền, lợi ích liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có quy định khác về hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xử

lý hành vi phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà không trái với nguyên tắc của Luật này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khác với quy định của Luật này thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này, nội dung thực hiện theo quy định của luật đó.

4. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bảo đảm đồng bộ với pháp luật có liên quan và phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Ưu tiên đầu tư, phát triển năng lực phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Phát triển nguồn nhân lực; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Thực hiện quản lý theo rủi ro; áp dụng đồng bộ biện pháp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật, xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý rủi ro.

6. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn, hợp tác quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, mua, bán, tàng trữ, lưu giữ, sở hữu, sử dụng, vận chuyển, chuyển giao vũ khí hủy diệt hàng loạt, trừ trường hợp được phép theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan.

2. Cấm cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc cung cấp cho đối tượng chỉ định, vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định.

3. Lợi dụng hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, nhân đạo để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Che giấu, giả mạo, cung cấp thông tin sai lệch, tiêu hủy trái pháp luật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu nhằm trốn tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

5. Cản trở, chống đối, không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản hoặc hạn chế giao dịch theo quy định của Luật này.

6. Tiết lộ trái pháp luật bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân, thông tin cảnh báo, thông tin điều tra, xác minh trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Hành vi khác theo quy định của pháp luật hoặc điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 7. Hợp tác quốc tế

1. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế gồm:

a) Trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực quản lý, kiểm soát;

c) Phối hợp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có liên quan;

d) Phối hợp xác minh, truy vết, phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản, giao dịch liên quan đến đối tượng bị chỉ định;

đ) Thực hiện điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

e) Nội dung hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

BIỆN PHÁP, CHÍNH SÁCH VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Mục 1

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO VÀ QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT ĐẶC THÙ

Điều 8. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Việc quản lý rủi ro quốc gia được thực hiện trên cơ sở các yếu tố chủ yếu sau đây:

a) Chủ thể có liên quan, bao gồm tổ chức, cá nhân, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện;

b) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có liên quan;

c) Quốc gia, vùng lãnh thổ, địa bàn, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao có liên quan;

d) Phương thức, hành vi, giao dịch, quan hệ giao dịch bất thường; người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

d) Thông tin cảnh báo trong nước, quốc tế; kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;

e) Yếu tố kỹ thuật khác phục vụ nhận diện, đánh giá rủi ro do Chính phủ quy định, nhưng không được sử dụng làm căn cứ độc lập để áp dụng biện pháp có nội dung hạn chế quyền ngoài quy định của Luật này.

2. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xác định đối tượng, hoạt động thuộc diện kiểm soát; lựa chọn biện pháp quản lý, kiểm soát; thiết lập cơ chế cảnh báo, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn và phản ứng phù hợp.

3. Phương pháp đánh giá, phân loại, cập nhật rủi ro; chế độ chia sẻ thông tin và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 9. Danh mục kiểm soát

1. Danh mục kiểm soát gồm: Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Danh mục kiểm soát được xây dựng trên cơ sở:

a) Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

- c) Yêu cầu bảo vệ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và thực tiễn quản lý;
- đ) Pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Danh mục kiểm soát được phân loại theo mức độ rủi ro để áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Danh mục kiểm soát được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc đột xuất trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này và thông tin cảnh báo rủi ro trong nước, quốc tế.

5. Việc công bố, khai thác, sử dụng Danh mục kiểm soát phải bảo đảm minh bạch để cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; trường hợp nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân hoặc thông tin nghiệp vụ thì được quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

6. Danh mục kiểm soát, cơ chế cập nhật, công bố, khai thác, sử dụng danh mục do Chính phủ quy định.

Điều 10. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát gồm: Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải; nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, lưu giữ, sử dụng, vận chuyển, tiêu hủy; chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ; giao dịch tài chính và hoạt động khác có liên quan.

2. Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện quản lý, kiểm soát khi liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát hoặc tuy không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ cho thấy nguy cơ bị lợi dụng nhằm phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Tiêu chí xác định hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát và phân công cơ quan thực hiện do Chính phủ quy định.

Điều 11. Nguyên tắc, căn cứ áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù

1. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù được áp dụng khi có căn cứ xác định hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ hoặc giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng nhằm phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù phải dựa trên kết quả đánh giá rủi ro; có căn cứ do Luật này quy định; bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, đúng thời hạn và có khả năng kiểm tra, giám sát.

3. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù được lồng ghép với cơ chế quản lý của pháp luật chuyên ngành; không đặt ra cơ chế cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm

tra, thanh tra, giám sát trùng lặp đối với cùng một hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh đầy đủ.

4. Tổ chức, cá nhân bị tác động bởi biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù có quyền khiếu nại, khởi kiện; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, sửa đổi, hủy bỏ, giải tỏa hoặc chấm dứt biện pháp khi không còn căn cứ áp dụng.

Điều 12. Biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện kiểm soát được áp dụng một hoặc một số biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp với tính chất hoạt động, đối tượng quản lý, mức độ rủi ro và yêu cầu phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, gồm:

- a) Cấp phép, chấp thuận, xác nhận theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- b) Khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xử lý nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- c) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động thuộc diện kiểm soát;
- d) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng;
- đ) Áp dụng hệ thống tuân thủ nội bộ phù hợp với lĩnh vực, quy mô, mức độ rủi ro của tổ chức, cá nhân;
- e) Tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch khi có căn cứ cụ thể theo quy định của Luật này;
- g) Biện pháp khác được quy định cụ thể tại Luật này.

2. Việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phải bảo đảm đúng căn cứ, đúng đối tượng, tương xứng với mức độ rủi ro; không đặt ra thủ tục trùng lặp với pháp luật chuyên ngành, không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ bất hợp lý đối với tổ chức, cá nhân.

3. Việc tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch chỉ được áp dụng khi có một trong các căn cứ sau:

- a) Hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến đối tượng bị chỉ định;
- b) Hoạt động, giao dịch có căn cứ xác thực cho thấy nguy cơ trực tiếp phục vụ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- c) Hoạt động, giao dịch có dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng hoặc tuyên chuyển giao nhằm né tránh biện pháp kiểm soát theo quy định của Luật này;

d) Có yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc yêu cầu khẩn cấp về quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật này.

4. Quyết định tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch phải được lập bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, cơ chế rà soát và quyền khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân bị tác động. Trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Biểu mẫu, phương thức tiếp nhận, xử lý thông tin, phân công cơ quan thực hiện, cơ chế miễn, giảm, đơn giản hóa thủ tục hoặc chế độ ưu tiên đối với hoạt động có mức độ rủi ro thấp do Chính phủ quy định.

Điều 13. Kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục

1. Hoạt động liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát được quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này, pháp luật chuyên ngành và điều ước quốc tế có liên quan.

2. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục chỉ được áp dụng khi có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng; không được áp dụng trên cơ sở suy đoán, cảnh báo không rõ nguồn gốc hoặc thông tin chưa được đánh giá, xác minh. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục không làm phát sinh thủ tục cấp phép, điều kiện đầu tư, kinh doanh hoặc cơ chế quản lý độc lập nếu yêu cầu kiểm soát có thể được thực hiện thông qua thủ tục chuyên ngành hiện hành.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục gồm một hoặc một số căn cứ sau:

- a) Thông tin, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền thu thập, xác minh;
- b) Kết quả đánh giá rủi ro;
- c) Cảnh báo trong nước hoặc quốc tế có nguồn gốc rõ ràng;
- d) Yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

đ) Dấu hiệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, tuyến đường, giao dịch, bên thụ hưởng có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục không được áp dụng trên cơ sở suy đoán, cảnh báo không rõ nguồn gốc hoặc thông tin chưa được đánh giá, xác minh theo quy định của Luật này.

5. Quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục phải được lập bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn áp dụng,

cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện và thời điểm rà soát; được thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác để bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu xử lý khẩn cấp.

6. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục phải được rà soát định kỳ hoặc khi có thông tin, tài liệu mới làm thay đổi căn cứ áp dụng. Trường hợp tiếp tục áp dụng thì phải có căn cứ rủi ro được cập nhật; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải sửa đổi, hủy bỏ hoặc chấm dứt ngay biện pháp kiểm soát.

7. Biểu mẫu, phương thức thông báo, cơ chế phối hợp trong áp dụng, rà soát, sửa đổi, hủy bỏ biện pháp kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục do Chính phủ quy định.

Điều 14. Kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện kiểm soát có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến đường vận chuyển, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế và thông tin khác có liên quan trực tiếp đến việc xác định nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát hoặc trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể; không áp dụng đại trà đối với hoạt động hợp pháp, thông thường. Trước khi yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát, kế thừa, sử dụng thông tin, tài liệu đã có trong hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu khi thông tin hiện có chưa đủ để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc tạm dừng hoạt động hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát có khả năng hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân phải được lập thành văn bản, nêu rõ căn cứ, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện.

4. Việc kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng phải dựa trên đánh giá rủi ro, không làm phát sinh nghĩa vụ trùng lặp với pháp luật chuyên ngành.

5. Biểu mẫu, tiêu chí xác định rủi ro, phân công cơ quan thực hiện và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 15. Kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể

1. Chuyển giao công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát khi có căn cứ rủi ro cụ thể cho thấy việc chuyển giao có thể trực tiếp phục vụ nghiên cứu, thiết

kế, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể gồm: Dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, mã nguồn, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ, mô hình trí tuệ nhân tạo, hệ thống điện toán đám mây và hình thức truyền tải công nghệ qua môi trường số hoặc phương tiện điện tử có khả năng ứng dụng trực tiếp vào hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể được thực hiện theo mức độ rủi ro, tính chất công nghệ, đối tượng tiếp nhận, mục đích sử dụng, phạm vi chuyển giao, phương thức truyền tải và khả năng bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Không áp dụng cơ chế kiểm soát đặc thù đối với thông tin công khai, hoạt động nghiên cứu cơ bản, giảng dạy, trao đổi học thuật thông thường, giáo trình phổ thông, công bố khoa học hoặc chuyển giao tri thức hợp pháp, trừ trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể cho thấy việc chuyển giao có thể trực tiếp phục vụ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Đối với dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước, bí mật quân sự thì việc quản lý, kiểm soát, chuyển giao, khai thác, sử dụng được thực hiện theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về quốc phòng, pháp luật có liên quan và quy định của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát có trách nhiệm đánh giá mục đích sử dụng, đối tượng tiếp nhận, phạm vi chuyển giao; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp; cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xử lý nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Việc tạm dừng, từ chối hoặc hạn chế chuyển giao công nghệ phi vật thể chỉ được thực hiện khi có căn cứ cụ thể theo quy định của Luật này; phải bảo đảm cần thiết, tương xứng với nguy cơ, đúng thẩm quyền, có thời hạn, được lập bằng văn bản và có cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

8. Tiêu chí đánh giá rủi ro, phạm vi thông tin phải cung cấp, phương thức thực hiện và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể do Chính phủ quy định.

Điều 16. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp

1. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp chỉ được áp dụng khi có căn cứ xác thực, cụ thể xác định nguy cơ trực tiếp, hiện hữu và có khả năng xảy ra ngay về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà nếu không áp

dụng ngay biện pháp ngăn chặn thì có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đối với quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội hoặc việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

2. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp gồm:

- a) Tạm dừng hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến nguy cơ;
- b) Phong tỏa tài khoản nghi vấn theo quy định của pháp luật;
- c) Tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để xử lý nguy cơ;
- đ) Cảnh báo, yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ;
- e) Biện pháp khác được quy định cụ thể tại Luật này.

3. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải có quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp cần áp dụng ngay để ngăn chặn nguy cơ trực tiếp, hiện hữu. Quyết định phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát.

4. Trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp, cơ quan có thẩm quyền phải ban hành quyết định bằng văn bản trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm áp dụng biện pháp; người ra quyết định chịu trách nhiệm cá nhân về căn cứ, phạm vi, thời hạn và tính hợp pháp của biện pháp được áp dụng.

5. Việc tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện phải đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, có biên bản, được niêm phong, bảo quản theo quy định của pháp luật; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải được áp dụng trong thời hạn ngắn nhất cần thiết để xử lý nguy cơ; được rà soát, gia hạn, sửa đổi hoặc hủy bỏ khi không còn căn cứ áp dụng. Việc gia hạn phải được lập bằng văn bản, nêu rõ lý do, thời hạn gia hạn và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tổ chức, cá nhân bị tác động bởi biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp có quyền khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì cơ quan có thẩm quyền phải chấm dứt ngay biện pháp và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

8. Biểu mẫu, cơ chế phối hợp và hậu kiểm trong áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp do Chính phủ quy định.

Điều 17. Hệ thống tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp

1. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm xây dựng, áp dụng hệ thống tuân thủ nội bộ phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, loại hình hàng hóa, công nghệ, dịch vụ và mức độ rủi ro.

2. Hệ thống tuân thủ nội bộ gồm:

- a) Chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ;
- b) Cơ chế nhận diện, đánh giá, phân loại, quản lý rủi ro;
- c) Kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng;
- d) Kiểm soát giao dịch, chuyển giao hàng hóa, công nghệ, dịch vụ;
- đ) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu, chế độ báo cáo;
- e) Đào tạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động;
- g) Cơ chế phát hiện, báo cáo, xử lý vi phạm nội bộ.

3. Hệ thống tuân thủ nội bộ là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ, phân loại rủi ro và xác định phương thức quản lý, kiểm soát phù hợp đối với tổ chức, doanh nghiệp.

4. Tiêu chí, nội dung, phương thức đánh giá hệ thống tuân thủ nội bộ đối với từng nhóm tổ chức, doanh nghiệp, lĩnh vực và mức độ rủi ro do Chính phủ quy định.

Điều 18. Đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ

1. Tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống tuân thủ nội bộ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 17 của Luật này, có lịch sử tuân thủ tốt thì được xem xét đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý, kiểm soát hoạt động thuộc diện kiểm soát.

2. Việc đánh giá, công nhận chế độ ưu tiên được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, dựa trên mức độ tuân thủ, lịch sử chấp hành pháp luật, mức độ rủi ro của hoạt động và khả năng phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, xử lý rủi ro.

3. Chế độ ưu tiên gồm: Giảm tần suất kiểm tra, giám sát; đơn giản hóa chế độ khai báo, báo cáo; ưu tiên xử lý hồ sơ, giao dịch; áp dụng cơ chế hậu kiểm phù hợp và biện pháp hỗ trợ tuân thủ khác theo quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên có trách nhiệm duy trì điều kiện tuân thủ; cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời; chịu kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo quy định của pháp luật; bị tạm đình chỉ, chấm dứt

hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên khi không còn đáp ứng điều kiện hoặc vi phạm quy định của Luật này.

5. Tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận, duy trì, tạm đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 19. Nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện kiểm soát hoặc giao dịch, hoạt động có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tuân thủ Luật này và pháp luật có liên quan; cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ khai báo, báo cáo, lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu theo quy định của pháp luật; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp với lĩnh vực hoạt động, mức độ rủi ro và yêu cầu quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm.

4. Chế độ, thời hạn, phương thức thực hiện nghĩa vụ tuân thủ đối với từng nhóm chủ thể theo quy định của Luật này do Chính phủ quy định.

Mục 2

KIỂM SOÁT TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VÀ TRỪNG PHẠT TÀI CHÍNH MỤC TIÊU

Điều 20. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống rửa tiền; không cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý hoặc sử dụng tiền, tài sản, dịch vụ tài chính nhằm thực hiện hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải áp dụng biện pháp nhận biết khách hàng, xác minh thông tin về khách hàng, bên thụ hưởng; giám sát giao dịch; lưu giữ hồ sơ; báo cáo giao dịch đáng ngờ; áp dụng biện pháp tạm ngừng giao dịch, phong tỏa tài sản theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Khi phát hiện giao dịch, hành vi có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân phải báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền;

thực hiện tạm dừng giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản theo quy định; phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc diện báo cáo; quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro tài trợ phổ biến; chế độ báo cáo và phối hợp xử lý theo quy định tại Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 21. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý việc đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp tổ chức đánh giá, cập nhật, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro.

2. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất khi phát sinh nguy cơ, phương thức, thủ đoạn mới, yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc khuyến nghị của tổ chức quốc tế có liên quan.

3. Nội dung đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Nguy cơ từ đối tượng bị chỉ định, tổ chức, cá nhân, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, bên trung gian, bên đại diện, bên nhận ủy thác;

b) Nguy cơ từ sản phẩm, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế, phương thức thanh toán, kênh phân phối, giao dịch xuyên biên giới, giao dịch điện tử, tài sản ảo hoặc hình thức chuyển giao giá trị khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguy cơ từ quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, lĩnh vực, ngành, nghề, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có liên quan;

d) Nguy cơ từ việc che giấu, giả mạo thông tin khách hàng, bên thụ hưởng, mục đích giao dịch, nguồn gốc tài sản, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

đ) Mức độ dễ bị lợi dụng của tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

e) Hiệu quả của biện pháp phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, tạm dừng giao dịch, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, chia sẻ thông tin và phối hợp xử lý.

4. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xây dựng, cập nhật chính sách, biện pháp kiểm soát tài trợ phổ biến; áp dụng quản lý theo rủi ro; hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro; phục vụ

cảnh báo sớm, chia sẻ thông tin, phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế và áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu.

5. Phương pháp, tiêu chí, cơ chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đánh giá, cập nhật, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 22. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là giao dịch có căn cứ xác thực, thông tin, tài liệu hoặc dấu hiệu cụ thể cho thấy tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính được sử dụng hoặc có nguy cơ trực tiếp được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Dấu hiệu giao dịch đáng ngờ được xác định trên cơ sở một hoặc một số nhóm dấu hiệu sau đây:

a) Khách hàng, bên thụ hưởng, người đại diện, người kiểm soát hoặc người có liên quan thuộc Danh sách đối tượng bị chỉ định, danh sách cảnh báo hoặc có dấu hiệu che giấu, giả mạo danh tính;

b) Giao dịch không phù hợp với hồ sơ khách hàng, mục đích kinh tế, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính hoặc lịch sử giao dịch;

c) Giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, đối tác, hàng hóa, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ cao về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Giao dịch có dấu hiệu chia nhỏ, chuyển tiếp qua nhiều trung gian, sử dụng cấu trúc sở hữu, thanh toán hoặc bên thụ hưởng phức tạp nhằm che giấu nguồn gốc, mục đích hoặc người hưởng lợi cuối cùng;

đ) Giao dịch liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát hoặc có dấu hiệu kiểm soát ngoài danh mục;

e) Dấu hiệu cụ thể khác do Chính phủ quy định trên cơ sở các nhóm dấu hiệu quy định tại khoản này.

3. Việc báo cáo, tiếp nhận, phân tích, xử lý giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

4. Phương thức báo cáo, cơ chế tiếp nhận, phân tích, xử lý, chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 23. Danh sách đối tượng bị chỉ định

1. Danh sách đối tượng bị chỉ định là danh sách tổ chức, cá nhân bị áp dụng biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản và biện pháp hạn chế giao dịch khác theo nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định của Luật này.

2. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân vào Danh sách đối tượng bị chỉ định gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, danh sách chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

b) Yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Căn cứ xác định tổ chức, cá nhân thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát hoặc hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo, vì lợi ích của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân ra khỏi Danh sách đối tượng bị chỉ định gồm:

a) Quyết định đưa ra khỏi danh sách của cơ quan, tổ chức quốc tế có thẩm quyền;

b) Không còn căn cứ áp dụng biện pháp chỉ định;

c) Có nhầm lẫn về danh tính;

d) Tổ chức đã chấm dứt hoạt động, cá nhân đã chết;

đ) Trường hợp khác do Luật này hoặc điều ước quốc tế có liên quan quy định.

4. Việc đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được thực hiện bằng quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền; phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi biện pháp, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện; được cập nhật, công bố kịp thời trong phạm vi cần thiết.

5. Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được rà soát định kỳ hoặc đột xuất; tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện; bên thứ ba ngay tình được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Phương thức cập nhật, công bố, rà soát Danh sách đối tượng bị chỉ định được quy định tại Luật này do Chính phủ quy định.

Điều 24. Phong tỏa tài sản và hạn chế giao dịch

1. Biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch được áp dụng đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính hoặc lợi ích kinh tế thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định.

2. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch chỉ được áp dụng đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, lợi ích kinh tế thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát

trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch không làm chuyển quyền sở hữu tài sản và không làm mất quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người quản lý, bên thứ ba ngay tình, trừ phần quyền bị hạn chế theo quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch gồm:

- a) Đối tượng thuộc Danh sách đối tượng bị chỉ định;
- b) Yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- c) Quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm thực hiện ngay, không chậm trễ biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch khi có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch phải đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng phạm vi, kịp thời, có khả năng rà soát; quyết định hoặc thông báo áp dụng phải xác định rõ đối tượng, tài sản, giao dịch bị áp dụng, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện.

6. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch phải bảo đảm:

- a) Chỉ áp dụng trong phạm vi cần thiết để ngăn chặn nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- b) Không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình;
- c) Được rà soát định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi phát sinh thông tin mới hoặc khi có căn cứ cho rằng biện pháp không còn cần thiết;
- d) Được giải quyết khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế được giải tỏa toàn bộ hoặc một phần trong trường hợp không còn căn cứ áp dụng; có nhầm lẫn về danh tính; tài sản, giao dịch không thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình; hoặc thuộc trường hợp được phép sử dụng cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

8. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch định kỳ hoặc khi có yêu cầu, kiến nghị, thông tin mới; trường

hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp, giải tỏa tài sản, giao dịch và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

9. Biểu mẫu, phương thức thông báo, chế độ báo cáo, cơ chế phối hợp, trình tự rà soát, giải tỏa và cho phép sử dụng tài sản cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo trên cơ sở căn cứ, phạm vi, điều kiện và nguyên tắc do Chính phủ quy định.

Điều 25. Quyền của đối tượng bị chỉ định và bảo vệ bên thứ ba ngay tình

1. Đối tượng bị chỉ định có quyền được thông báo về việc bị chỉ định, phạm vi biện pháp áp dụng, trừ trường hợp việc thông báo ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nghĩa vụ quốc tế hoặc bí mật nhà nước.

2. Đối tượng bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu xem xét lại, sửa đổi, hủy bỏ quyết định chỉ định hoặc biện pháp phong tỏa, hạn chế giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng bị chỉ định, người phụ thuộc hoặc bên có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan được đề nghị giải tỏa một phần tài sản để phục vụ nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo hoặc nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Bên thứ ba ngay tình, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế có quyền cung cấp tài liệu chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản, giao dịch; yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu biện pháp được áp dụng trái pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, trả lời kiến nghị, yêu cầu rà soát, giải tỏa trong thời hạn do Chính phủ quy định; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình trên cơ sở quyền, căn cứ và điều kiện đã được quy định tại Luật này.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm:

a) Rà soát khách hàng, bên thụ hưởng, giao dịch, tài sản để phát hiện đối tượng bị chỉ định hoặc giao dịch có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phong tỏa ngay tiền, tài sản, nguồn lực tài chính thuộc sở hữu, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định mà không cần thông báo trước;

c) Không cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế cho đối tượng bị chỉ định hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định;

d) Tạm dừng, từ chối, chấm dứt giao dịch khi có căn cứ theo quy định của Luật này;

đ) Báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền;

e) Không tiết lộ việc báo cáo, rà soát, áp dụng biện pháp kiểm soát cho đối tượng bị chỉ định hoặc người có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

g) Xây dựng, thực hiện quy định nội bộ, đánh giá rủi ro và đào tạo nhân sự về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin, lưu giữ hồ sơ, báo cáo, kiểm soát nội bộ được thực hiện theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, quy trình, phương thức thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều này.

Mục 3 **THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CẢNH BÁO SỚM** **VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**

Điều 27. Chia sẻ thông tin, dữ liệu và chế độ báo cáo

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chia sẻ, trao đổi, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu được chia sẻ gồm:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ cho phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Giao dịch tài chính, dòng tiền, tài sản có dấu hiệu liên quan;

c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ và hoạt động có nguy cơ;

d) Danh sách đối tượng bị chỉ định, danh mục kiểm soát, thông tin cấp phép, khai báo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;

đ) Cảnh báo từ tổ chức quốc tế, cơ quan nước ngoài, cơ quan trong nước;

e) Thông tin, dữ liệu khác phục vụ quản lý rủi ro, cảnh báo sớm và tổ chức thực hiện Luật này.

3. Việc chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân; không sử dụng thông tin, dữ liệu trái mục đích hoặc vượt quá phạm vi được phép.

4. Cơ quan nhà nước được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã được báo cáo, cập nhật, chia sẻ hợp pháp trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước trong trường hợp cần xác minh, cập nhật hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Nội dung, thời hạn, biểu mẫu, trách nhiệm chia sẻ thông tin, dữ liệu và chế độ báo cáo; cơ chế kết nối, sử dụng lại dữ liệu báo cáo giữa các cơ quan nhà nước; trách nhiệm cập nhật, bảo mật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 28. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia gồm:

- a) Dữ liệu về danh sách đối tượng bị chỉ định;
- b) Danh mục hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát;
- c) Thông tin cấp phép, khai báo, kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, chuyển giao có dấu hiệu liên quan;
- d) Dữ liệu về giao dịch tài chính, tài sản có dấu hiệu liên quan;
- đ) Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;
- e) Dữ liệu cảnh báo rủi ro, phân tích xu hướng;
- g) Dữ liệu khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc quản lý, kết nối, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia phải bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện do Chính phủ quy định.

Điều 29. Cơ chế cảnh báo sớm về nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ chế cảnh báo sớm được thiết lập nhằm phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá và cảnh báo kịp thời nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ chế cảnh báo sớm gồm:

- a) Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin từ nguồn trong nước và quốc tế;

- b) Xây dựng tiêu chí, chỉ số nhận diện rủi ro;
- c) Phát hành cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- d) Thiết lập quy trình phản ứng nhanh khi phát hiện dấu hiệu vi phạm;
- d) Theo dõi, cập nhật, thu hồi cảnh báo khi không còn căn cứ.

3. Việc phát hành, cập nhật, thu hồi cảnh báo phải có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi, đúng mục đích; không được sử dụng thông tin cảnh báo để áp dụng biện pháp hạn chế quyền ngoài căn cứ, điều kiện do Luật này quy định.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phát hành, cập nhật, thu hồi cảnh báo; cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo; phân công cơ quan thực hiện và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 30. Cơ quan đầu mối quốc gia

1. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình, hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện chức năng điều phối, không làm thay, không thay thế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ, yêu cầu cụ thể; nội dung yêu cầu phải bằng văn bản, xác định rõ mục đích, phạm vi, loại thông tin, thời hạn cung cấp, trách nhiệm bảo mật, trừ trường hợp khẩn cấp theo quy định của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 31. Cơ chế phối hợp liên ngành

1. Cơ chế phối hợp liên ngành được thiết lập nhằm bảo đảm chỉ đạo, điều hành thống nhất, kịp thời, hiệu quả trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm, thời hạn và phương thức phối hợp.

2. Nội dung phối hợp liên ngành gồm:

- a) Trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu;
- b) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm;
- c) Kiểm tra, thanh tra, giám sát;

- d) Thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát, trừng phạt tài chính mục tiêu;
- đ) Ứng phó tình huống khẩn cấp;
- e) Hợp tác quốc tế;
- g) Nội dung khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Việc phối hợp liên ngành phải đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả; không trùng lặp, chồng chéo, không làm thay hoặc thay thế trách nhiệm quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành.

4. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải bảo đảm phân loại thông tin, phân quyền truy cập, sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng thẩm quyền; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Cơ quan nhà nước được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, hồ sơ, dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trong trường hợp cần cập nhật, xác minh hoặc có căn cứ rủi ro cụ thể.

6. Quy trình phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, thời hạn xử lý, biểu mẫu, cơ chế phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp do Chính phủ quy định.

Điều 32. Cơ chế phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Nội dung phối hợp gồm:

- a) Cung cấp, xác minh thông tin, tài liệu, dữ liệu;
- b) Tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo;
- c) Thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát;
- d) Tham gia đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật;
- đ) Phối hợp phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm.

3. Việc phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi yêu cầu; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, phương thức phối hợp, cơ chế tiếp nhận, xử lý thông tin và công tác bảo đảm thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC

Điều 33. Quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch;

b) Tổ chức quản lý rủi ro, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù, kiểm soát tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu;

c) Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ chế cảnh báo sớm, cơ chế phối hợp liên ngành;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực;

đ) Kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm;

e) Hợp tác quốc tế, thực hiện điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

g) Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 34. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện và trách nhiệm giải trình

1. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện thường xuyên hoặc đột xuất, bảo đảm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Nội dung kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá gồm:

- a) Việc chấp hành quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;
- b) Việc thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát, phòng ngừa, cảnh báo, ngăn chặn và xử lý vi phạm;
- c) Việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, chia sẻ thông tin, cập nhật dữ liệu, bảo mật thông tin;
- d) Hiệu quả tổ chức thực hiện, mức độ đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý; thực hiện chế độ báo cáo và cung cấp thông tin theo quy định.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giải trình về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát theo pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện; chế độ báo cáo, trách nhiệm giải trình, xử lý kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 35. Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài hình thức xử lý quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm: Buộc chấm dứt hành vi vi phạm; buộc cung cấp, cải chính thông tin; buộc thu hồi, xử lý hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có liên quan; buộc hoàn trả lợi ích bất hợp pháp; bồi thường thiệt hại và biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cản trở hoạt động hợp pháp, bao che vi phạm hoặc trục lợi thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính

hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử lý vi phạm phải kịp thời, nghiêm minh, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bên thứ ba ngay tình.

Điều 36. Lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm lực lượng nòng cốt, lực lượng chuyên trách và lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Lực lượng chuyên trách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xác minh, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Lực lượng rộng rãi là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thông qua việc tuân thủ pháp luật, cung cấp thông tin, báo cáo dấu hiệu rủi ro, phối hợp, hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Việc phân công, phối hợp, huy động lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải bảo đảm thống nhất, kịp thời, hiệu quả; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, đầu mối trung gian hoặc nhiệm vụ chồng chéo.

6. Phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được trang bị, quản lý, sử dụng, điều động, huy động đúng mục đích, đúng thẩm quyền, phù hợp tiêu chuẩn, định mức, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách nhà nước; bảo đảm an toàn, bảo mật, tiết kiệm, hiệu quả.

7. Việc phân công, phối hợp, điều động, huy động lực lượng; quản lý, sử dụng, điều động, huy động phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 37. Bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, gồm: Kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; được huy động từ nguồn viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật, tài trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực phải đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, tiết kiệm, chống lãng phí và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán, huy động, tiếp nhận, khai thác nguồn lực; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Chế độ, chính sách đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Người trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo phân công, điều động, huy động hoặc quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền được hưởng chế độ, chính sách phù hợp với tính chất, yêu cầu, mức độ nguy hiểm, độc hại, phức tạp, đột xuất, khẩn cấp của nhiệm vụ được giao.

2. Nhà nước bảo đảm điều kiện cần thiết để lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện nhiệm vụ, bao gồm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, trang thiết bị, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật, thông tin, dữ liệu và điều kiện bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

3. Người trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà bị thương, bị bệnh, bị suy giảm sức khỏe, bị thiệt hại về tài sản hoặc hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ thì bản thân hoặc thân nhân được hưởng chế độ, chính sách, hỗ trợ, bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm thì được xem xét hỗ trợ, bồi thường, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5. Việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều này phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng tính chất nhiệm vụ, công khai, minh bạch, không trùng lặp với chế độ, chính sách đã được pháp luật chuyên ngành quy định.

6. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, điều kiện, chế độ, chính sách, nguồn kinh phí, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Chính phủ tổ chức thi hành Luật này; ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này để bảo đảm thực hiện thống nhất hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 40. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép, chấp thuận, quyết định, văn bản xác nhận và hoạt động đang được thực hiện hợp pháp trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện đến hết thời hạn, trừ trường hợp phải áp dụng biện pháp theo quy định của Luật này để phòng, chống nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
2. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, chuyển đổi hoặc áp dụng bổ sung biện pháp theo quy định của Luật này thì việc thực hiện phải bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động hợp pháp và không tạo gánh nặng tuân thủ bất hợp lý cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.
3. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý chuyển tiếp đối với từng nhóm hoạt động, giấy phép, thủ tục, cơ chế phối hợp và phân công cơ quan thực hiện.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI